

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ IA CHIM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Ia Chim, ngày tháng năm 2026

V/v đề nghị bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã Ia Chim

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đến năm 2040.

Qua rà soát phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026, trên địa bàn xã Ia Chim chưa được phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất chăn nuôi tập trung.

Tuy nhiên, theo Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1756/QĐ-TTg, khu vực thành phố Kon Tum trước đây đã xác định Trại chăn nuôi lợn công nghệ cao Kon Tum quy mô khoảng 114 ha tại xã Đăk Năng (cũ), nay thuộc địa bàn xã Ia Chim. Đây là cơ sở quy hoạch đã được xác lập trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

Đồng thời, theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Kon Tum đến năm 2040 được phê duyệt tại Quyết định số 69/QĐ-UBND, khu vực đề nghị bổ sung có tổng diện tích khoảng 149,64 ha, trong đó, 140,73 ha được xác định là đất trang trại và 8,91 ha là đất sản xuất nông nghiệp.

Qua rà soát các quy hoạch và hiện trạng quản lý đất đai, Ủy ban nhân dân xã Ia Chim nhận thấy khu vực nêu trên có điều kiện để tiếp tục kế thừa, cụ thể hóa định hướng phát triển chăn nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao. Việc chưa được phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất chăn nuôi tập trung hiện nay gây khó khăn cho địa phương trong việc triển khai các thủ tục quy hoạch, đất đai, đầu tư và thu hút dự án theo định hướng đã được xác lập.

Để bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ giữa các quy hoạch đã được phê duyệt, đồng thời, sử dụng hiệu quả quỹ đất và tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp theo hướng tập trung, hiện đại, Ủy ban nhân dân xã Ia Chim kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, chỉ đạo Sở Tài chính tham mưu điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất chăn nuôi tập trung cho xã Ia Chim với diện tích khoảng 149,64 ha, tại khu vực đã được xác định định hướng phát triển chăn nuôi theo các quy hoạch nêu trên.

Việc bổ sung chỉ tiêu là cơ sở để địa phương thực hiện đồng bộ công tác quy hoạch, quản lý và sử dụng đất; tạo điều kiện thu hút các dự án chăn nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao, gắn với bảo vệ môi trường; đồng thời, góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và nâng cao đời sống Nhân dân.

(Có Phụ lục vị trí khu đất đề nghị bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất chăn nuôi tập trung kèm theo).

Ủy ban nhân dân xã Ia Chim kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tài chính quan tâm xem xét, chỉ đạo và tham mưu giải quyết, tạo cơ sở để địa phương triển khai các bước tiếp theo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đỗ Thị Hồng Hạnh

PHỤ LỤC
Vị trí khu đất đề nghị bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất chăn nuôi tập trung
(kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày 8/2026 của UBND xã Ia Chim)

TT	Loại đất	Địa danh	Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trực 108°00'		Diện tích (ha)
				X (m)	Y (m)	
1	Đất chăn nuôi tập trung	Thôn Đăk Năng, xã Ia Chim	1	1587244,488	488748,977	140,73
			2	1586993,874	488958,864	
			3	1586561,880	489320,671	
			4	1586290,210	489364,416	
			5	1586042,555	489371,583	
			6	1586063,574	489453,392	
			7	1586152,821	489614,420	
			8	1586075,935	489634,969	
			9	1586073,813	489635,345	
			10	1585991,789	489649,751	
			11	1585921,983	489661,934	
			12	1585926,057	489688,480	
			13	1585812,063	489707,849	
			14	1585797,161	489679,479	
			15	1585795,667	489676,285	
			16	1585766,957	489603,073	
			17	1585758,805	489579,968	
			18	1585718,535	489454,316	
			19	1585661,480	489398,497	
			20	1585615,680	489355,316	
			21	1585560,322	489337,852	
			22	1585508,312	489331,368	
			23	1585512,814	489326,426	
			24	1585508,809	489295,819	
			25	1585490,008	489187,188	

			26	1585445,659	489194,864	
			27	1585430,594	489195,241	
			28	1585408,957	489195,785	
			29	1585403,675	489195,913	
			30	1585344,675	489197,376	
			31	1585343,259	489185,960	
			32	1585328,237	489157,150	
			33	1585321,636	489156,885	
			34	1585303,917	489107,693	
			35	1585782,307	489036,007	
			36	1585781,970	489038,907	
			37	1585789,081	489104,430	
			38	1585802,633	489142,350	
			39	1585831,215	489149,634	
			40	1585904,899	489138,810	
			41	1585912,680	489144,139	
			42	1585925,159	489183,027	
			43	1585935,407	489194,732	
			44	1586033,368	489174,678	
			45	1586047,216	489177,009	
			46	1586122,415	489006,993	
			47	1586259,413	488697,262	
			48	1586018,144	488207,343	
			49	1586052,468	487672,996	
			50	1586053,599	487672,879	
			51	1586054,040	487663,077	
			52	1586152,239	487422,161	
			53	1586214,466	487269,472	
			54	1586320,402	487368,479	
			55	1586319,772	487372,969	
			56	1586322,731	487373,936	
			57	1586287,304	487488,051	

			58	1586161,100	487894,594	
			59	1586326,595	488085,165	
			60	1586743,947	488272,940	
			61	1586805,313	488162,582	
			62	1586968,249	488287,469	
			63	1587068,685	488510,279	
			1	1587244,488	488748,977	
2	Đất chăn nuôi tập trung	Thôn Đắk Năng, xã Ia Chim	1	1586257,620	488707,441	8,91
			2	1586065,867	489137,618	
			3	1586065,847	489137,658	
			4	1586044,103	489178,392	
			5	1585935,972	489201,575	
			6	1585928,458	489193,077	
			7	1585921,718	489164,684	
			8	1585916,395	489141,966	
			9	1585934,781	489132,483	
			10	1585931,759	489110,050	
			11	1585920,532	489046,718	
			12	1585907,007	489001,116	
			13	1585923,638	488984,187	
			14	1585941,910	488967,262	
			15	1586017,462	488939,268	
			16	1586014,957	488885,487	
			17	1586015,124	488873,234	
			18	1586016,048	488806,797	
			19	1586014,500	488782,617	
			20	1586014,652	488777,076	
			21	1586014,759	488741,496	
			22	1586028,565	488740,466	
			23	1586038,347	488740,487	
			24	1586056,318	488742,526	
			25	1586070,486	488740,776	

			26	1586075,274	488737,756	
			27	1586082,649	488731,720	
			28	1586089,421	488722,102	
			29	1586091,834	488716,586	
			30	1586094,661	488681,222	
			31	1586156,930	488657,650	
			32	1586165,120	488658,518	
			33	1586176,912	488663,815	
			34	1586217,537	488685,419	
			1	1586257,620	488707,441	
